SINOKOR (VIETNAM) CO., LTD.

CONTAINER PACKING LIST

VESSEL (Tên tàu) :.....

VOYAGE (Số chuyến):.....

DESTINATION (Cảng đích):.....

TRANSIT PORT (Cảng chuyển tải) :.....

DATE (Ngày).....

CONTAINER NO:.....
(Số Container)
SEAL NO :.....
(Số Seal)

TYPE-SIZE (Kích cỡ):.....

BOOKING OR B/L NO (Số Lệnh cấp rỗng)	SHIPPER OR BROKER (Tên chủ hàng)	QUANTITY OF PARCEL (Số kiện)	MARK & NUMBER (Số hiệu)	DESCRIPTION OF GOODS (Loại hàng)	GROSS WEIGHT (Trọng lượng hàng)	MEASUREMENT (CBM) (Kích cỡ hàng)

SHIPPER'S SIGNATURE

TOTAL WEIGHT OF CARGOES (Tổng trọng lượng hàng) .....

TARE WEIGHT OF CONTAINER (Trọng lượng vỏ container) .....

GROSS WEIGHT (Tổng trọng lượng) .....